

BẢNG ĐIỂM THI LẦN 1 HỌC KỲ 20192  
Lớp Ô TÔ 4 K10 Mã lớp học 29,008 Thực hành

Môn học: OMH27 SCBD trang bị điện và điện tử

Giáo viên: Vũ Văn Quý, T. Thủy, T. Thủy

Số đơn vị học trình: 2

Thời gian TH: Từ 15 đến 17/12/2020

| STT | Mã SV    | Họ và tên          | Ngày sinh  | Điểm | Số tờ | Chữ ký SV | Ghi chú |
|-----|----------|--------------------|------------|------|-------|-----------|---------|
| 1   | CD180804 | Nguyễn Trung Anh   | 01/10/2000 | 7    |       | Anh       |         |
| 2   | CD180940 | Lê Hoài Bảo        | 27/10/2000 | 10   |       | Bảo       |         |
| 3   | CD180785 | Dương Doãn Bình    | 25/07/2000 | 9    |       | Bình      |         |
| 4   | CD180782 | Nguyễn Sỹ Chiến    | 28/07/2000 | 8    |       | Chiến     |         |
| 5   | CD180816 | Phạm Văn Đắc       | 10/02/2000 | 6    |       | Đắc       |         |
| 6   | CD180815 | Nguyễn Tiến Đại    | 23/10/2000 | 8    |       | Đại       |         |
| 7   | CD180741 | Nguyễn Tiến Đạt    | 28/08/2000 | 9    |       | Đạt       |         |
| 8   | CD180848 | Trần Đức Đạt       | 25/02/2000 | 8    |       | Đạt       |         |
| 9   | CD180920 | Lê Đình Đông       | 13/11/1999 | 6    |       | Đông      |         |
| 10  | CD180860 | Hoàng Tiến Dũng    | 11/11/2000 | 7    |       | Dũng      |         |
| 11  | CD180811 | Trương Quang Dũng  | 30/12/2000 | 7    |       |           |         |
| 12  | CD180753 | Nguyễn Hữu Dương   | 12/04/2000 | 10   |       | Dương     |         |
| 13  | CD180897 | Nguyễn Hoàng Hiếu  | 08/05/2000 | 3    |       |           |         |
| 14  | CD180750 | Nguyễn Văn Hiếu    | 21/04/2000 | 10   |       | Hiếu      |         |
| 15  | CD180938 | Phạm Minh Hiếu     | 14/03/2000 | 7    |       | Hiếu      |         |
| 16  | CD180890 | Lại Nhật Hoàng     | 16/01/2000 | 7    |       |           |         |
| 17  | CD180722 | Tô Thành Hưng      | 04/03/1996 | 6    |       | Hưng      |         |
| 18  | CD180764 | Vũ Đình Khôi       | 27/10/2000 | 7    |       | Khôi      |         |
| 19  | CD180812 | Dương Minh Khương  | 16/09/2000 | 6    |       | Khương    |         |
| 20  | CD180759 | Lê Văn Kiên        | 04/03/1999 | 6    |       | Kiên      |         |
| 21  | CD180735 | Đỗ Văn Lâm         | 25/06/2000 | 6    |       |           |         |
| 22  | CD181511 | Trần Châu Long     | 29/05/2000 | 6    |       | Long      |         |
| 23  | CD180902 | Vũ Tiến Long       | 10/07/2000 | 6    |       |           |         |
| 24  | CD180928 | Đặng Văn Lượng     | 16/04/2000 | 7    |       | Lượng     |         |
| 25  | CD180738 | Dương Văn Mạnh     | 22/12/2000 | 7    |       | Mạnh      |         |
| 26  | CD180930 | Đỗ Hoàng Minh      | 10/08/2000 | 9    |       | Minh      |         |
| 27  | CD180797 | Nguyễn Bảo Minh    | 06/09/2000 | 6    |       |           |         |
| 28  | CD180729 | Phan Huy Minh      | 30/12/2000 | 5    |       | Minh      |         |
| 29  | CD180825 | Nguyễn Đăng Nam    | 21/07/1999 | 8    |       | Nam       |         |
| 30  | CD180711 | Nguyễn Quang Nghi  | 06/02/2000 | 7    |       | Nghi      |         |
| 31  | CD181517 | Lê Văn Nhất        | 07/09/2000 | 7    |       | Nhất      |         |
| 32  | CD180875 | Nguyễn Trung Phong | 15/07/2000 | 9    |       |           |         |
| 33  | CD180874 | Phạm Hồng Phúc     | 04/01/2000 | 6    |       |           |         |
| 34  | CD180817 | Nguyễn Anh Quân    | 01/09/2000 | 9    |       | Quân      |         |
| 35  | CD180905 | Trần Hồng Quân     | 18/08/2000 | 7    |       | Quân      |         |

| STT | Mã SV    | Họ và tên           | Ngày sinh  | Điểm | Số tờ | Chữ ký SV | Ghi chú |
|-----|----------|---------------------|------------|------|-------|-----------|---------|
| 36  | CD180854 | Lưu Đình Tài        | 20/02/1999 | 8    |       | Thị       |         |
| 37  | CD180934 | Phạm Tiến Tài       | 03/11/2000 | 8    |       | Thị       |         |
| 38  | CD180908 | Bùi Minh Thái       | 24/12/2000 | 9    |       | Thị       |         |
| 39  | CD180913 | Lã Xuân Thắng       | 29/09/2000 | 8    |       | Thị       |         |
| 40  | CD180887 | Vũ Văn Thắng        | 23/11/2000 | 8    |       | Thị       |         |
| 41  | CD180721 | Nguyễn Xuân Thủy    | 06/05/1997 | 7    |       |           |         |
| 42  | CD180768 | Nguyễn Mạnh Trung   | 28/08/1999 | 9    |       | Thị       |         |
| 43  | CD180751 | Vũ Đức Trung        | 23/01/1999 | 9    |       | Trung     |         |
| 44  | CD180876 | Cao Danh Trường     | 14/03/1999 | 8    |       | Trường    |         |
| 45  | CD180796 | Bùi Nguyễn Thiện Tú | 29/05/2000 | 7    |       | Tú        |         |
| 46  | CD180763 | Hà Minh Tuấn        | 20/08/2000 | 9    |       | Tú        |         |
| 47  | CD180720 | Nguyễn Văn Tùng     | 20/01/2000 | 9    |       | Tùng      |         |
| 48  | CD180846 | Nguyễn Công Vinh    | 12/12/2000 | 7    |       |           |         |

Tổng số SV tham gia thực hành.....48.....  
Số sinh viên đạt:.....47.....

Ngày giáo viên nộp điểm:.....30/7/2020  
Hạn cuối nộp điểm:.....

#### PHÒNG ĐÀO TẠO

*Trần Thị Như Trang*

Trần Thị Như Trang

#### CÁN BỘ CHẤM THI

*Vũ Văn Quý*  
*Phạm Xuân Trung*  
*Nguyễn Văn Tuấn*  
*Trần Văn Thắng*

#### TRƯỞNG KHOA

*Chu Thị Hương*  
CHU THỊ HƯƠNG  
PCS. Tăng Hương